



PHẦN VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH THUẬN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công và danh mục các dự án
trọng điểm của tỉnh năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/UBND-VQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh và danh mục các dự án trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 4494/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 và danh mục các dự án trọng điểm nguồn vốn ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 163/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua kế hoạch đầu tư công và danh mục các dự án trọng điểm của tỉnh năm 2022, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh năm 2022 là 2.960.680 triệu đồng. Cụ thể:

- Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 488.180 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.100.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.330.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương: 42.500 triệu đồng.

2. Về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022:

a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước: 488.180 triệu đồng.

- Vốn phân bổ cho khối huyện là 188.132 triệu đồng.
- Vốn phân bổ cho khối tỉnh là 300.048 triệu đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.100.000 triệu đồng

- Phân bổ cho khối huyện: 440.000 triệu đồng (do các huyện tự phân khai chi tiết).

- Phân bổ khối tỉnh: 660.000 triệu đồng.

c) Vốn xổ số kiến thiết: 1.330.000 triệu đồng.

- Dự phòng: 206.000 triệu đồng.
- Phân bổ chi tiết cho các dự án: 1.124.000 triệu đồng.

(Chi tiết danh mục dự án, mức vốn, chủ đầu tư theo các biểu đính kèm: Biểu số 01 tổng hợp nguồn vốn; Biểu số 02 chi tiết các dự án nguồn vốn ngân sách tập trung trong nước và tiền sử dụng đất; Biểu số 03 chi tiết các dự án nguồn vốn xã số kiến thiết)

3. Danh mục các dự án trọng điểm: Gồm 09 dự án (Chi tiết đính kèm theo Biểu số 04).

4. Để thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số vấn đề sau:

a) Trong quá trình tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh phải quản lý chặt chẽ không để phát sinh nợ khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản trái với quy định của pháp luật; chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quyết toán các hạng mục công trình và công trình.

b) Trường hợp có vượt thu ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, bức xúc theo tiến độ thi công; ưu tiên bố trí vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản cho các dự án hoàn thành từ năm 2021 về trước và các dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm 2022; tạo nguồn vốn dự trữ để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để bán đấu giá và thu hút đầu tư.

c) Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chuẩn bị quỹ đất tái định cư và dự phòng quỹ đất tái định cư.

d) Trong tình hình dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, Ủy ban nhân dân tỉnh cần có kế hoạch và giải pháp chi đạo quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án ngay từ đầu năm 2022, hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh và không để việc nghỉ lễ, tết ảnh hưởng đến tiến độ các dự án, nhất là các dự án kéo dài nhiều năm, các dự án có ý nghĩa quan trọng trong chỉnh trang đô thị, phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh; giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

BIỂU SỐ 01
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Phân bổ kế hoạch năm 2022	Ghi chú
A	Tổng số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh	2.960.680	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	488.180	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.100.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.330.000	
4	Đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương	42.500	
B	Phân bổ kế hoạch vốn	2.918.180	Trừ phần vốn đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương
I	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	488.180	
1	Khối huyện	188.132	Chi tiết theo biểu số 02 (*)
2	Khối tỉnh	300.048	
	Trong đó:		
a	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh	20.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
b	Vốn thực hiện chính sách nông nghiệp theo 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ, khoa học công nghệ và hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm của các Hợp tác xã theo Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ	5.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết

c	Chuẩn bị đầu tư và quy hoạch chuyên ngành xây dựng	6.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
d	Phân bổ chi tiết các dự án	269.048	Chi tiết theo biểu số 02 (*)
II	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.100.000	
1	Phân thu và phân bổ tại các huyện	440.000	Giao các huyện phân khai chi tiết
2	Phân thu và phân bổ tại tỉnh	660.000	
a	Vốn đối ứng và trả nợ gốc vay dự án ODA	17.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
b	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	10.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
c	Chi đền bù tạo quỹ đất	120.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
d	Hoàn ứng ngân sách tỉnh	100.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
d	Phân bổ chi tiết các dự án	413.000	Chi tiết theo biểu số 02 (*)
III	Đầu tư từ nguồn vốn xổ số kiến thiết	1.330.000	
1	Dự phòng	206.000	
2	Phân bổ chi tiết các dự án	1.124.000	
2.1	Chuẩn bị đầu tư và quy hoạch chuyên ngành xây dựng	10.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
2.2	Chi đầu tư các dự án, chương trình thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế	496.000	
a	Dự án, chương trình thuộc lĩnh vực giáo dục	372.000	Chi tiết theo biểu số 03 (**)
b	Dự án, chương trình thuộc lĩnh vực đào tạo	30.000	Chi tiết theo biểu số 03 (**)
c	Dự án, chương trình thuộc lĩnh vực y tế	94.000	Chi tiết theo biểu số 03 (**)
2.3	Chi đầu tư các dự án, chương trình thuộc các lĩnh vực khác	618.000	
a	Dự án, chương trình thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục thể thao	213.000	Chi tiết theo biểu số 03 (**)

b	Dự án, chương trình thuộc lĩnh vực công trình phúc lợi xã hội	281.000	Chi tiết theo biểu số 03 (**)
c	Kinh phí khen thưởng nông thôn mới	8.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
d	Hỗ trợ Đề án giao thông nông thôn	40.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
đ	Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh	10.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
e	Hỗ trợ Chương trình đầu tư kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 của HĐND tỉnh	10.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
g	Chương trình nước sinh hoạt nông thôn	35.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
h	Ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh	20.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
i	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân	1.000	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết

Ghi chú:

* Tổng phân bổ chi tiết năm 2022 cho từng dự án tại Biểu số 02 là 870.180 triệu đồng

** Tổng phân bổ chi tiết cho từng dự án tại Biểu số 03 là 990.000 triệu đồng

BIỂU SỐ 02
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 NGUỒN VỐN TẬP TRUNG
TRONG NƯỚC VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NS tỉnh	Phân bổ kế hoạch năm 2022			Ghi chú
						Tổng số	Vốn tập trung trong nước (*)	Từ nguồn thu sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG			8.203.324	4.704.946	870.180	457.180	413.000	
A	Dự án hoàn thành			1.243.595	955.633	49.913	29.913	20.000	
I	Lĩnh vực giao thông vận tải			532.247	514.790	16.499	16.499		
1	Nâng cấp đường từ cầu Hùng Vương đến đường ĐT.706B, thành phố Phan Thiết	Sở Giao thông vận tải	52/QĐ-UBND ngày 08/01/2018	285.994	285.994	300	300		Dự án đang lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán
2	Cầu qua Sông Luỹ và đường vào khu sản xuất tại khu phố Lương Bình, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	407/QĐ-SKHĐT ngày 06/11/2015	20.263	20.263	350	350		Dự án đang lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán
3	Nhựa hóa thị trấn Ma Lâm (gđ 2), huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	305/QĐ-SKHĐT ngày 7/9/2018	39.617	24.920	1.618	1.618		Dự án đã thi công xong
4	Đường Phú Long - Ma Lâm - Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	404/QĐ-SKHĐT ngày 25/10/2017	11.299	11.299	1.662	1.662		Dự án đã thi công xong

5	Đường Ma Lâm - Núi Xả Thô, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	472/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2017	18.825	18.825	5.230	5.230		Dự án đã thi công xong
6	Đường ĐT 714 (đoạn qua đèo Đông Giang)	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	357/QĐ-SKHĐT ngày 19/10/2018	39.990	39.990	575	575		Dự án đã thi công xong
7	Đường từ thôn La Dày đi thôn Buôn Cùi, xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	419/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2019	28.992	28.992	4.000	4.000		Dự án đã thi công xong
8	Đường vào Trường THPT Hòa Đa, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	473/QĐ-SKHĐT ngày 06/12/2018	11.260	8.500	265	265		Dự án đang lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán
9	Nâng cấp đường Đức Tài - Đê Bao, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	349/QĐ-SKHĐT, 20/9/2017	19.161	19.161	250	250		
10	Nhựa hoá một số tuyến đường nội thị, thị trấn Tân Nghĩa	UBND huyện Hàm Tân	383/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2015	6.383	6.383	117	117		Dự án đã phê duyệt quyết toán năm 2020
11	Đường vào trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	146/QĐ-SKHĐT ngày 21/4/2017	4.146	4.146	58	58		Dự án đã phê duyệt quyết toán năm 2020
12	Đường và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	349/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2015	8.216	8.216	593	593		Dự án đang lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán
13	Đường giao thông nông thôn Láng Gòn, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	290/QĐ-SKHĐT ngày 1/11/2011	6.855	6.855	755	755		Dự án đã phê duyệt quyết toán
14	Dự án nâng cấp đường vào cụm công nghiệp Thắng Hải	UBND huyện Hàm Tân	166/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2013	31.246	31.246	726	726		Dự án đang lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán

II	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			406.773	143.255	8.406	8.406		
15	Kênh tiếp nước 812 - Châu Tá	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3203/QĐ-UBND ngày 10/11/2009	232.649	133.749	5.000	5.000		Dự án đã thi công xong, còn vướng các hộ dân chưa chịu nhận tiền đền bù; bố trí vốn thực hiện công tác đền bù để quyết toán dự án
16	Dự án Kênh tưới Tà Mú - Suối Mãng	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	681/QĐ-SKHĐT ngày 01/12/2020	25.206	2.206	2.206	2.206		Dự án đã thi công xong
17	Củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển phường Đức Long	UBND thành phố Phan Thiết	3495/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	148.918	7.300	1.200	1.200		Dự án đã phê duyệt quyết toán năm 2021 (NSTW đã bố trí 130, 5 tỷ đồng)
III	Quản lý nhà nước			35.636	30.649	1.493	1.493		
18	Nhà làm việc Sở Công Thương	Sở Công Thương	384/QĐ-SKHĐT ngày 16/10/2017	18.283	18.283	152	152		Dự án đã phê duyệt quyết toán năm 2021
19	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 4, huyện Đức Linh	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận	379/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2015	3.864	3.864	85	85		Dự án đã phê duyệt quyết toán năm 2021
20	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 8, huyện Bắc Bình	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận	397/QĐ-SKHĐT ngày 04/11/2015	3.749	3.749	621	621		Dự án đã phê duyệt quyết toán năm 2021

21	Dự án Nhà làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Phan Điền	Ban quản lý rừng phòng hộ Phan Điền	220/QĐ-SKHĐT ngày 02/6/2020	4.987		426	426		Dự án đã thi công xong
22	Kho lưu trữ và Phòng tiếp công dân huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	382/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2015	4.753	4.753	209	209		Dự án đã phê duyệt quyết toán năm 2021
IV	Công cộng			8.129	6.129	429	429		
23	Trạm xử lý nước thải khu làng nghề chế biến thủy sản có mùi tập trung tại xã Phú Lạc	UBND huyện Tuy Phong	322/QĐ-SKHĐT ngày 20/9/2020	8.129	6.129	429	429		Dự án đã thi công xong
V	Khu dân cư			242.397	242.397	20.000		20.000	
24	Khu dân cư Bắc Xuân An, thành phố Phan Thiết	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	3155/QĐ-UBND ngày 12/12/2007, 2217/QĐ-UBND ngày 04/8/2017	242.397	242.397	20.000		20.000	
VI	An ninh quốc phòng			18.413	18.413	3.086	3.086		
25	Nhà làm việc Công an thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình	Công an tỉnh	454/QĐ-SKHĐT ngày 25/8/2020	4.928	4.928	1.000	1.000		Dự án đã thi công xong
26	Nhà làm việc Công an thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam	Công an tỉnh	318/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2015	3.808	3.808	414	414		Dự án đã thi công xong
27	Nhà làm việc Công an phường Thanh Hải, thành phố Phan Thiết	Công an tỉnh	308/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2018	3.429	3.429	159	159		Dự án đã thi công xong

28	Nhà làm việc Công an thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc	Công an tỉnh	434/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019	3.231	3.231	813	813		Dự án đã thi công xong
29	Nhà làm việc Công an thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân	Công an tỉnh	437/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019	3.017	3.017	700	700		Dự án đã thi công xong
B	Dự án chuyển tiếp			6.722.073	3.513.961	740.865	386.865	354.000	
I	Lĩnh vực giao thông			4.767.101	1.926.276	407.672	172.774	234.898	
1	Sửa chữa tuyến Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao, huyện Hàm Thuận Bắc và tuyến Sông Lũy - Phan Tiến, huyện Bắc Bình	Sở Giao thông vận tải	449/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2019	10.600	10.600	1.000	1.000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.718, đoạn từ Ga Bình Thuận đến xã Hàm Càn, huyện Hàm Thuận Nam	Sở Giao thông vận tải	2780/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	95.499	95.499	17.642	17.642		
3	Đường đến trung tâm các xã Đồng Kho, Huy Khiêm, Bắc Ruộng, Măng Tố, Đức Tân, Nghị Đức, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (ĐT.717)	Sở Giao thông vận tải	1640/QĐ-UBND ngày 28/6/2019	97.024	32.024	10.000		10.000	NSTW hỗ trợ + NST
4	Làm mới đường trục ven biển ĐT.719B đoạn Phan Thiết - Kê Gà	Sở Giao thông vận tải	1401/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	999.431	200.431	40.000		40.000	NSTW hỗ trợ + NST
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.719 đoạn Kê Gà - Tân Thiện	Sở Giao thông vận tải	1290/QĐ-UBND ngày 5/6/2020	599.641	119.641	60.000		60.000	NSTW hỗ trợ + NST

6	Đường Hàm Kiệm đi Tiên Thành (đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT.719B)	Sở Giao thông vận tải	1409/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	419.987	419.987	56.898		56.898	
7	Trục ven biển ĐT.719B đoạn Hòn Lan - Tân Hải	Sở Giao thông vận tải	1337/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	663.883	147.883	15.000		15.000	NSTW hỗ trợ + NST
8	Đường dọc kênh phát triển kinh tế xã hội vùng chiến khu Lê Hồng Phong, huyện Bắc Bình	Sở Giao thông vận tải	466/QĐ-SKHĐT ngày 09/11/2016	39.889	39.889	12.000	12.000		
9	Kè bảo vệ mái taluy đoạn Km79+940 – Km80+126 tuyến ĐT.716 qua địa bàn xã Chí Công, huyện Tuy Phong	Sở Giao thông vận tải	645/QĐ-SKHĐT ngày 19/11/2020	4.044	4.044	1.891	1.891		
10	Đường vào khu sản xuất thôn Đá Mài 2, xã Tân Xuân	UBND huyện Hàm Tân	82/QĐ-SKHĐT ngày 24/3/2021	5.863	5.863	2.000	2.000		
11	Dự án đường liên huyện dọc kênh chính qua huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình và Tuy Phong	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1673/QĐ-UBND ngày 22/6/2017	950.018	100.018	33.000	33.000		NSTW hỗ trợ + NST
12	Đường trục chính nội đồng Lương Sơn, huyện Bắc Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	118/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2021	19.637	19.637	4.000		4.000	
13	Kiên cố hóa đường liên thôn xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	386/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	11.956	11.956	4.179	179	4.000	
14	Kiên cố hóa đường trung tâm huyện đi xã Tân Lập và Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	101/QĐ-SKHĐT ngày 06/4/2021	14.239	14.239	4.252	1.252	3.000	

15	Kiên cố hóa đường liên thôn xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	105/QĐ-SKHĐT ngày 06/4/2021	13.437	13.437	3.707	3.707		
16	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường ngã ba Cây Sung đi vào trung tâm xã Đức Tín	UBND huyện Đức Linh	102/QĐ-SKHĐT ngày 06/4/2021	14.763	14.763	2.500	2.500		
17	Nâng cấp đường trung tâm xã Mê Pu, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	116/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2021	19.516	14.000	2.511	2.511		
18	Nâng cấp 08 tuyến đường nội thị, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	122/QĐ-SKHĐT ngày 23/4/2021	48.878	45.000	11.528	9.528	2.000	
19	Sửa chữa, nâng cấp đường Thống Nhất, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	106/QĐ-SKHĐT ngày 12/4/2021	15.987	15.987	5.000		5.000	
20	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Du	UBND thị xã La Gi	107/QĐ-SKHĐT ngày 12/4/2021	14.750	14.750	5.500	5.500		
21	Nâng cấp đường vào khu sản xuất Khánh Tài- Nghĩa địa Ngọc Sơn	UBND huyện Bắc Bình	142/QĐ-SKHĐT ngày 07/5/2021	5.949	5.949	2.949	2.949		
22	Nâng cấp đường giao thông Bình An đi Hồng Thái, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	146/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	7.068	7.068	4.000	4.000		
23	Hệ thống giao thông đô thị, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	119/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2021	27.056	25.000	10.755	3.755	7.000	
24	Nâng cấp sửa chữa đường Chợ Lâu đi Bình An, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	150/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	22.897	18.000	8.000	8.000		

25	Đường vào nhà máy xử lý rác thôn 8, xã Gia An, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	537/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2020	4.670	4.670	1.646	1.646		
26	Tuyến đường nối Đông Hà – Gia Huynh, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	161/QĐ-SKHĐT ngày 13/5/2021	31.458	31.458	4.000	4.000		
27	Các tuyến đường trung tâm xã Gia An, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	117/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2021	12.736	12.736	2.008	2.008		
28	Nhựa hóa Phú Long (giai đoạn 2), huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	222/QĐ-SKHĐT ngày 05/6/2020	26.146	26.146	7.564	564	7.000	
29	Đường Km26 (QL28)-Gia Le, Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	60/QĐ-SKHĐT ngày 26/02/2021	22.264	22.264	8.500	8.500		
30	Đường khu dân cư Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	75/QĐ-SKHĐT ngày 16/3/2021	5.618	5.618	2.000	2.000		
31	Nâng cấp đường nội thị thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	475/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2017	9.484	8.500	663	663		
32	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	139/QĐ-SKHĐT ngày 04/5/2021	11.510	11.000	5.000	5.000		
33	Đường vào xóm 1C, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	55/QĐ-SKHĐT ngày 23/02/2021	20.176	20.176	7.000		7.000	
34	Nâng cấp, mở rộng đường quốc lộ 1A đi trung tâm xã Phước Thê	UBND huyện Tuy Phong	145/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	2.408	2.408	1.100	1.100		

35	Tuyến đường số 2, khu dịch vụ - công viên tái định cư Hưng Long, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	61/QĐ-SKHĐT ngày 20/02/2017	28.972	28.972	1.600	1.600		
36	Cầu Sông Đọt	UBND huyện Hàm Thuận Nam	03/QĐ-KHĐT ngày 07/01/2016	15.484	15.484	4.106	4.106		
37	Đường kết nối khu nhà ở công nhân Khu công nghiệp Hàm Kiệm II - Bita's với đường QL1A - Mỹ Thạnh	UBND huyện Hàm Thuận Nam	166/QĐ-SKHĐT ngày 29/4/2016	9.476	9.476	900	900		
38	Mở rộng đường thị trấn Lạc Tánh giai đoạn 3	UBND huyện Tánh Linh	451/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2017	29.835	29.835	7.000		7.000	
39	Nhựa hóa đường trung tâm xã Đức Chính, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	506/QĐ-SKH ngày 22/9/2020	13.439	13.439	5.508	5.508		
40	Đường Trung tâm Đô thị Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân (giai đoạn 2: hạng mục đường, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng)	UBND huyện Hàm Tân	398/QĐ-SKHĐT ngày 04/11/2015	44.967	44.967	3.265	3.265		
41	Đường liên xã Sông Phan - Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	426/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2017	25.038	25.038	4.000	4.000		
42	Đường trung tâm đô thị Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	2146/QĐ-UBND ngày 30/10/2012; 474/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	269.870	156.886	7.000		7.000	

43	Đường Thuận Minh - Hàm Phú	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	414/QĐ- SKHĐT ngày 28/10/2016	16.478	16.478	1.500	1.500		
44	Đường Mỹ Thạnh đi Đông Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	124/QĐ- SKHĐT ngày 31/3/2016	45.060	45.060	15.000	15.000		
II	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			687.478	520.978	121.175	75.573	45.602	
45	Kênh tiếp nước Biển Lạc - Hàm Tân, huyện Tân Linh	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1497/QĐ- UBND ngày 01/6/2009; 591/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	449.152	282.652	65.308	19.706	45.602	
46	Kênh tiếp nước Sông Móng - Hàm Cần, huyện Hàm Thuận Nam	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	217/QĐ- SKHĐT ngày 29/6/2016	45.000	45.000	3.000	3.000		
47	Hoàn thiện công trình Kè bảo vệ bờ Sông Dinh, thị xã La Gi	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	469/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	38.992	38.992	10.000	10.000		
48	Kiên cố hóa tuyến kênh chính Hồ Suối Đá kết hợp đường giao thông dọc kênh, huyện Hàm Thuận Bắc	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	119/QĐ- SKHĐT ngày 20/4/2021	31.939	31.939	15.000	15.000		
49	Sửa chữa Kè biển Phước Thê, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	130/QĐ- SKHĐT ngày 27/4/2021	10.480	10.480	5.075	5.075		

50	Hồ chứa nước Phan Dũng (Hạng mục: Khai hoang đồng ruộng và hệ thống kênh nội đồng giai đoạn 2016-2020), huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	136/QĐ-SKHĐT ngày 29/4/2021	9.255	9.255	3.500	3.500		
51	Nâng cấp kênh tiêu T1 (T 8N), huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	407/QĐ-SKHĐT, 27/10/2017	47.421	47.421	7.849	7.849		
52	Cải tạo kênh tiêu Suối cây Xoài, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	451/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2016	20.222	20.222	3.800	3.800		
53	Cải tạo kênh tiêu Sông Cát, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	384/QĐ-SKHĐT 31/10/2018	20.037	20.037	5.643	5.643		
54	Kênh tưới Hàm Thạnh	UBND huyện Hàm Thuận Nam	395/QĐ-SKHĐT ngày 26/10/2016	14.980	14.980	2.000	2.000		
III	Khu dân cư			594.335	515.221	79.000	5.500	73.500	
55	Mở rộng khu dân cư Bắc Xuân An	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	924/QĐ-UBND 31/3/2016	376.778	376.778	30.000		30.000	
56	Khu dân cư Rừng Sến, xã Gia Huynh, huyện Tánh Linh	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	411/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2016 và 3717/BC-SKHĐT ngày 08/7/2021	55.728	55.728	15.000		15.000	
57	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hồ Tôm, xã Tân Phước, thị xã La Gi	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3751/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	96.710	46.536	19.000		19.000	

58	Khu dân cư A3 xã Chí Công, huyện Tuy Phong	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	122/QĐ-UBND ngày 20/6/2011	46.310	17.370	9.500	9.500	
59	Khu định canh định cư thôn 2 xã Gia Huynh; hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp 05 tuyến đường giao thông và trường mẫu giáo	UBND huyện Tánh Linh	466/QĐ- SKHĐT ngày 31/10/2019	9.361	9.361	3.000	3.000	
60	Mở rộng khu dân cư 1-8 phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	359/QĐ- SKHĐT ngày 07/10/2016	9.448	9.448	2.500	2.500	
IV	Công cộng			228.263	228.263	55.582	55.582	
61	Thoát nước phía hạ lưu đường ĐT.706B - Cửa ra số 7, thành phố Phan Thiết	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	349/QĐ- SKHĐT ngày 19/9/2019	28.958	28.958	7.300	7.300	Dự án quá hạn bố trí vốn, vướng đền bù
62	Thoát nước phía hạ lưu đường ĐT.706B - Cửa ra số 1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	176/QĐ- SKHĐT ngày 4/7/2012	16.939	16.939	2.500	2.500	Dự án quá hạn bố trí vốn, vướng đền bù
63	Thoát nước phía hạ lưu đường ĐT.706 B - Cửa ra số 2&3, thành phố Phan Thiết	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	115/QĐ- SKHĐT ngày 31/3/2016	39.776	39.776	7.000	7.000	Dự án quá hạn bố trí vốn, vướng đền bù
64	Hạ tầng kỹ thuật khu vực 02 bên đường nhánh nối đường ĐT.706B và đường ĐT.706	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng	241/QĐ- SKHĐT ngày 18/9/2012	25.318	25.318	1.000	1.000	Dự án quá hạn bố trí vốn, vướng đền bù

		và công nghiệp tỉnh							
65	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở xã hội tại xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	147/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	51.778	51.778	20.000	20.000		
66	Gia cố mái kênh và đường bê tông trên bờ kênh đoạn từ cầu Đồi 1 trên đường Nguyễn Hội đến cầu Sở Muối, thành phố Phan Thiết	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	18/QĐ- SKHĐT ngày 22/01/2021	17.542	17.542	9.082	9.082		
67	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Tân Nghĩa	UBND huyện Hàm Tân	582/QĐ- SKHĐT ngày 29/10/2020	1.920	1.920	700	700		
68	Hoa viên khu vực cầu Sở Muối thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	2616/QĐ- UBND ngày 26/10/2020	12.653	12.653	2.000	2.000		
69	Công viên trung tâm huyện Hàm Thuận Nam (bao gồm cả ĐBGT)	UBND huyện Hàm Thuận Nam	397/QĐ- SKHĐT ngày 28/10/2016	33.379	33.379	6.000	6.000		
V	Khoa học công nghệ và thông tin truyền thông			76.033	76.033	13.100	13.100		
70	Dự án nâng cao năng lực Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Thuận	Sở Khoa học và Công nghệ	445/QĐ- SKHĐT ngày 31/10/2016	29.512	29.512	5.000	5.000		
71	Dự án nâng cao năng lực Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	437/QĐ- SKHĐT ngày 31/10/2016	29.981	29.981	5.000	5.000		

72	Dự án tạo lập và hoàn thiện cơ sở dữ liệu hộ tịch tại Bình Thuận	Sở Tư pháp	796/QĐ-UBND ngày 31/03/2021	16.540	16.540	3.100	3.100		
VI	Quản lý nhà nước			333.937	212.264	53.985	53.985		
73	Trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	203/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2019	35.947	35.947	4.485	4.485		
74	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân tỉnh	09/QĐ-TABT ngày 10/10/2019	150.000	40.000	5.000	5.000		
75	Kho lưu trữ Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	388/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	29.972	29.972	10.000	10.000		
76	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	199/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	14.793	14.793	6.200	6.200		
77	Trụ sở làm việc Đảng ủy khối cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	Đảng ủy khối cơ quan và DN tỉnh	730/QĐ-SKHĐT ngày 23/12/2020	17.996	17.996	3.000	3.000		
78	Cải tạo nhà làm việc UBND thị trấn Liên Hương	UBND huyện Tuy Phong	197/QĐ-SKHĐT ngày 27/5/2020	11.470	8.000	3.900	3.900		
79	Nhà làm việc Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	212/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	6.522	5.000	2.000	2.000		
80	Nhà làm việc Ủy ban nhân dân xã Phan Hòa, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	203/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	7.689	7.000	2.000	2.000		

81	Sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	95/QĐ-SKHĐT ngày 02/4/2021	2.921	2.921	1.400	1.400		
82	Trụ sở làm việc các cơ quan xã Sông Phan, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	96/QĐ-SKHĐT ngày 02/4/2021	21.825	21.825	5.100	5.100		
83	Nhà làm việc Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	143/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	16.138	16.138	6.500	6.500		
84	Nhà làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà	Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà	260/QĐ-SKHĐT ngày 09/6/2021	4.987	4.987	1.500	1.500		
85	Nhà làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Trị An	Ban quản lý rừng phòng hộ Trị An	263/QĐ-SKHĐT ngày 09/6/2021	5.992		1.500	1.500		
86	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại trên địa bàn thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	709/QĐ-SKHĐT ngày 14/3/2018	7.685	7.685	1.400	1.400		
VII	An ninh quốc phòng			34.926	34.926	10.351	10.351		
87	Trạm kiểm soát Biên phòng Phú Hải/Đồn Biên phòng Thanh Hải (444)	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	69/QĐ-SKHĐT ngày 05/3/2021	4.926	4.926	1.800	1.800		
88	Doanh trại Tiểu đoàn Bộ binh 1 thuộc Trung đoàn Bộ binh 812 (giai đoạn 1)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	280/QĐ-SKHĐT ngày 15/6/2021	30.000	30.000	8.551	8.551		
C	Dự án khởi công mới năm 2022			237.656	235.352	79.402	40.402	39.000	
I	Lĩnh vực giao thông			55.657	53.353	25.402	25.402		

1	Sửa chữa tuyến đường Hàm Minh - Thuận Quý và tuyến QL1 - Mỹ Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam (thuộc dự án Sửa chữa lớn cầu và đường của tỉnh)	Sở Giao thông vận tải	322/QĐ-SKHĐT ngày 09/7/2021	14.235	14.235	7.000	7.000		
2	Cải tạo nút giao thông đường Nguyễn Hội- Hải Thượng Lãn Ông	UBND thành phố Phan Thiết	529/QĐ-SKHĐT ngày 21/9/2021	3.851	3.851	3.800	3.800		
3	Kiên cố hóa đường Bàu Vườn, Giếng Dầu và ngã ba ông Nghĩa đi xóm Bắc, xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	555/QĐ-SKHĐT ngày 13/10/2021	6.854	6.550	2.500	2.500		
4	Bê tông hóa đường từ bờ hồ Ngũ Phụng đến đường Bắc xã Ngũ Phụng	UBND huyện Phú Quý	535/QĐ-SKHĐT ngày 24/9/2021	2.717	2.717	2.000	2.000		
5	Đường phía Đông UBND xã Long Hải nối hồ chứa nước số 2 đến đường Lê Hồng Phong ra biển, huyện Phú Quý	UBND huyện Phú Quý	625/QĐ-SKHĐT ngày 02/12/2021	28.000	26.000	10.102	10.102		
II	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			174.000	174.000	50.000	13.000	37.000	
6	Trạm bơm Hồng Liêm và hệ thống kênh tưới huyện Hàm Thuận Bắc và Bắc Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3398/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	174.000	174.000	50.000	13.000	37.000	
III	Quản lý nhà nước			2.999	2.999	2.000	2.000		
7	Sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	609/QĐ-SKHĐT ngày 18/11/2021	2.999	2.999	2.000	2.000		

IV	An ninh quốc phòng			5.000	5.000	2.000		2.000	
8	Hội trường Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tánh Linh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	251/QĐ-SKHĐT ngày 03/6/2021	5.000	5.000	2.000		2.000	

(* Tổng số vốn tập trung trong nước 457.180 triệu đồng là bằng 188.132 triệu đồng (tại mục B.I.1 Biểu số 01) cộng với 269.048 triệu đồng (tại mục B.I.2.d Biểu số 01)

BIỂU SỐ 03**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT***(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Trong đó: XSKT	Kế hoạch 2022	Ghi chú
	Phân khai chi tiết			3.888.002	3.029.505	990.000	
A	Lĩnh vực giáo dục			1.467.967	1.389.226	372.000	
I	Dự án hoàn thành, thanh toán nợ			470.146	458.323	35.554	
1	Trường Mầm non Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	236/QĐ-SKHĐT ngày 9/6/2020	7.990	7.990	300	
2	Trường Tiểu học Liên Hương 1, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	245/QĐ-SKHĐT ngày 10/6/2020	4.990	4.990	400	
3	Trường Trung học cơ sở Hòa Phú, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	253/QĐ-SKHĐT ngày 12/6/2020	5.728	5.728	300	
4	Trường Tiểu học Hồng Thái 3, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	51/QĐ-SKHĐT ngày 13/02/2017	5.186	4.000	532	
5	Trường THCS Bình An, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	232/QĐ-UBND ngày 8/6/2020	3.777	3.777	690	
6	Trường tiểu học Bình An (điểm chính - cơ sở An Trung), huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	231/QĐ-SKHĐT ngày 8/6/2020	3.238	3.158	260	
7	Trường tiểu học Bình An (điểm An Thạnh), huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	242/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	3.823	3.600	500	
8	Trường Mẫu giáo Bình An (điểm An Lạc 1), huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	448/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.752	8.752	1.000	

9	Trường tiểu học Sông Lũy 2 (điểm thôn 2), huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	79/QĐ-SKHĐT ngày 19/3/2021	7.354	7.354	600	
10	Trường mẫu giáo Sông Lũy (điểm thôn Hòa Bình), huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	194/QĐ-SKHĐT ngày 27/5/2020	9.658	9.000	1.200	
11	Trường tiểu học Bình Tân 1, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	196/QĐ-SKHĐT ngày 27/5/2020	14.585	14.000	2.000	
12	Trường tiểu học Hải Ninh 2, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	233/QĐ-SKHĐT ngày 8/6/2020	13.364	12.466	1.100	
13	Trường THCS Phú Tài (giai đoạn 1), thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	407/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2018	22.265	22.265	2.000	
14	Trường Tiểu học Mũi Né 3, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	416/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2018	26.004	26.004	2.000	
15	Trường THCS Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	142/QĐ-SKHĐT ngày 20/4/2017	9.640	9.640	600	
16	Trường THCS Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	468/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2017	8.379	8.379	700	
17	Trường tiểu học Thuận Nam 3, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	140/QĐ-SKHĐT ngày 17/4/2017	7.002	7.002	237	
18	Trường THCS Hàm Càn, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	418/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2017	5.828	4.900	360	
19	Trường tiểu học Tân Xuân 2, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	399/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2016	6.099	6.099	600	
20	Trường Tiểu học Tân Thắng 2, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	567/QĐ-SKHĐT ngày 22/10/2020	14.173	14.173	1.893	
21	Trường mẫu giáo Sông Phan, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	100/QĐ-SKHĐT ngày 19/3/2019	6.760	6.760	500	
22	Trường Mẫu giáo Tân Thắng, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	428/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019	11.716	11.716	1.650	

23	Trường Tiểu học Sông Phan 1, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	607/QĐ-SKHĐT ngày 6/11/2020	5.765	5.765	1.210	
24	Trường Tiểu học Tân Đức 2, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	412/QĐ-SKHĐT ngày 19/3/2019	7.150	7.150	950	
25	Trường Mẫu giáo Sông Phan (điểm thôn Tân Quang), huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	259/QĐ-SKHĐT ngày 08/7/2019	5.265	5.000	168	
26	Trường tiểu học Tân Nghĩa (điểm 1), huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	362/QĐ-SKHĐT ngày 27/9/2019	4.163	4.163	500	
27	Trường tiểu học Tân Xuân 2, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	427/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019	6.910	6.910	2.000	
28	Trường mẫu giáo Tân Đức, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	423/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2019	7.232	7.232	1.992	
29	Trường THCS Phước Hội 1, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	449/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2016	12.419	12.419	800	
30	Trường Tiểu học Tân Hải 2, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	217/QĐ-SKHĐT ngày 02/6/2020	10.298	10.298	300	
31	Trường Mẫu giáo Búp Măng, xã Gia An, huyện Tân Linh	UBND huyện Tân Linh	463/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2019	9.497	9.497	1.000	
32	Trường tiểu học Long Hải, huyện Phú Quý	UBND huyện Phú Quý	262/QĐ-SKHĐT ngày 15/6/2020	10.973	10.973	1.838	
33	Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	1870/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	131.239	131.239	1.920	
34	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Sở Giáo dục và Đào tạo	1703/QĐ-UBND ngày 11/8/2011	39.354	39.354	2.385	
35	Trường THPT Phan Chu Trinh (hạng mục: Khối phòng học bộ môn và chức năng) thuộc Chương trình phát triển	Sở Giáo dục và Đào tạo	02/QĐ-SKHĐT ngày 02/01/2020	6.445	2.945	800	

	giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách)						
36	Khối 9 phòng học Trường THPT Hàm Thuận Bắc	Sở Giáo dục và Đào tạo	670/QĐ-SKHĐT ngày 26/11/2020	7.125	3.625	269	
II	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022			997.821	930.903	336.446	
1	Trường Trung học cơ sở Bình Thạnh, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	191/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	9.000	9.000	3.400	
2	Trường Tiểu học Phước Thế 1, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	185/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	7.963	7.000	3.500	
3	Trường Tiểu học Chí Công 1, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	189/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	10.943	9.500	3.600	
4	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám (giai đoạn 2), huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	183/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	31.119	31.119	10.000	
5	Trường Mầm non Bông Sen, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	188/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	18.880	18.500	6.000	
6	Trường Tiểu học Hòa Phú 2, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	175/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	11.053	9.500	3.000	
7	Trường Tiểu học Liên Hương 5, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	173/QĐ-SKHĐT ngày 19/5/2021	9.815	9.815	3.500	
8	Trường Tiểu học Chí Công 4, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	187/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	14.962	13.500	3.500	
9	Trường mẫu giáo Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	226/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	6.589	6.500	2.000	
10	Trường Tiểu học Hồng Thái 3, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	222/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	10.343	7.500	2.000	
11	Trường Trung học cơ sở Bình Tân, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	218/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	10.291	9.500	3.000	

12	Trường Mẫu giáo Hồng Phong, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	249/QĐ-SKHĐT ngày 02/6/2021	5.990	5.990	2.000	
13	Trường Tiểu học Lương Sơn 3, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	225/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	11.769	9.500	3.000	
14	Trường Trung học cơ sở Chợ Lầu, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	204/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	13.890	9.500	2.000	
15	Trường Tiểu học Phan Rí Thành 2, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	219/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	7.191	7.191	3.000	
16	Trường Trung học cơ sở Phan Thanh, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	208/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	7.411	5.500	2.000	
17	Trường Tiểu học Sông Bình, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	271/QĐ-SKHĐT ngày 11/6/2021	5.619	5.000	3.000	
18	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	207/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	9.454	9.454	3.000	
19	Trường Mầm non Lương Sơn, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	217/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	14.563	13.500	5.000	
20	Trường Mẫu giáo Phan Điền, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	285/QĐ-SKHĐT ngày 16/6/2021	3.615	3.615	2.114	
21	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phan Điền, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	269/QĐ-SKHĐT ngày 11/6/2021	13.309	9.500	3.000	
22	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sơn Lâm, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	201/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	13.097	13.097	4.000	
23	Trường mẫu giáo xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	86/QĐ-SKHĐT ngày 29/3/2021	17.989	15.500	8.000	
24	Trường Mẫu giáo Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	158/QĐ-SKHĐT ngày 11/5/2021	8.207	6.500	3.000	
25	Trường Tiểu học Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	89/QĐ-SKHĐT ngày 01/4/2021	11.269	9.000	3.000	

26	Trường trung học cơ sở Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	90/QĐ-SKHĐT ngày 01/4/2021	9.763	6.500	2.500	
27	Trường tiểu học Hàm Hiệp 3, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	87/QĐ-SKHĐT ngày 30/3/2021	8.275	6.000	2.500	
28	Trường tiểu học Thuận Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	88/QĐ-SKHĐT ngày 30/3/2021	8.668	6.500	1.100	
29	Trường Tiểu học Xuân Mỹ, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	137/QĐ-SKHĐT ngày 29/4/2021	13.828	12.000	6.500	
30	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	157/QĐ-SKHĐT ngày 11/5/2021	9.928	8.000	1.656	
31	Trường Tiểu học Lâm Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	159/QĐ-SKHĐT ngày 11/5/2021	12.336	7.000	1.380	
32	Trường Mẫu giáo Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	104/QĐ-SKHĐT ngày 8/4/2021	8.844	7.500	2.500	
33	Trường Tiểu học Phú Hải 2, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	103/QĐ-SKHĐT ngày 21/3/20119	27.407	27.407	3.400	
34	Trường Tiểu học Phú Thủy 2, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	467/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2019	32.058	32.058	4.700	
35	Trường Tiểu học Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	432/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019	34.275	34.275	4.500	
36	Trường Tiểu học Phú Trinh 3, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	457/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2019	28.095	28.095	6.000	
37	Trường Tiểu học Xuân An, thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	182/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	8.762	8.762	2.000	
38	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du (giai đoạn 1), thành phố Phan Thiết	UBND thành phố Phan Thiết	197/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	35.091	35.091	2.000	
39	Trường Mẫu giáo Bắc Phan Thiết (Giai đoạn 2)	UBND thành phố Phan Thiết	190/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	12.192	12.192	3.000	

40	Trường Mẫu giáo Mương Mán, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	281/QĐ-SKHĐT ngày 15/6/2021	7.794	7.500	3.638	
41	Trường Tiểu học Hàm Kiệm 2 (giai đoạn 1), huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	205/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	13.732	13.000	7.962	
42	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	220/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	4.180	4.180	2.180	
43	Trường Mẫu giáo Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	228/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021	2.950	2.950	950	
44	Trường Tiểu học Tân Thuận 2, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	200/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	4.498	4.498	1.698	
45	Trường Tiểu học Hàm Minh 1, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	224/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	9.735	9.500	4.200	
46	Trường mẫu giáo Tân Phúc, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	29/QĐ-SKHĐT ngày 21/1/2020	14.594	14.594	3.000	
47	Trường mẫu giáo Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	332/QĐ-SKHĐT ngày 05/8/2019	22.275	22.275	5.305	
48	Trường Mẫu giáo Tân Đức (phân hiệu Suối Giêng), huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	113/QĐ-SKHĐT ngày 19/4/2021	12.848	12.848	5.347	
49	Trường Tiểu học Tân Nghĩa (Điểm 2), huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	178/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	7.798	7.798	3.298	
50	Trường Trung học cơ sở Tân Hà (hạng mục: Khối hành chính hiệu bộ)	UBND huyện Hàm Tân	91/QĐ-SKHĐT ngày 01/4/2021	5.577	5.577	2.476	
51	Trường Tiểu học Tân Nghĩa (điểm 1), huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	179/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	12.735	12.735	5.235	
52	Trường Mẫu giáo Tân Hà (Khối 4 phòng học), huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	177/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	6.997	6.997	3.197	
53	Trường Tiểu học Tân Hà, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	180/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	9.934	9.934	4.500	

54	Trường Trung học cơ sở Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	587/QĐ-SKHĐT ngày 01/11/2021	9.751	9.751	1.341	
55	Trường Trung học cơ sở Tân Thắng, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	560/QĐ-SKHĐT ngày 19/10/2021	1.226	1.226	826	
56	Trường Mẫu giáo Sơn Mỹ (Khối Hành chính, hiệu bộ), huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	561/QĐ-SKHĐT ngày 19/10/2021	2.975	2.975	2.075	
57	Trường Tiểu học Thắng Hải 1, huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	588/QĐ-SKHĐT ngày 01/11/2021	13.960	13.960	4.000	
58	Trường Tiểu học Tân Tiến 2, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	184/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	24.385	22.000	11.960	
59	Trường Tiểu học Bình Tân 3, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	174/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	20.998	19.000	10.470	
60	Trường Mẫu giáo Tân Tiến, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	141/QĐ-SKHĐT ngày 07/5/2021	7.159	7.159	4.000	
61	Trường Tiểu học Tân Tiến 1, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	166/QĐ-SKHĐT ngày 17/5/2021	12.996	12.000	6.470	
62	Trường Tiểu học Tân An 3, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	162/QĐ-SKHĐT ngày 13/5/2021	14.349	13.500	7.470	
63	Trường Tiểu học Sông Dinh, xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	243/QĐ-SKHĐT ngày 01/6/2021	8.766	8.766	5.000	
64	Trường Mẫu giáo Suối Kiết (điểm lẻ), huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	193/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	5.000	4.500	2.500	
65	Trường Mẫu giáo Suối Kiết (điểm chính), huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	195/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	4.018	4.018	2.000	
66	Trường Trung học cơ sở Suối Kiết, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	196/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	9.499	9.499	5.499	
67	Trường Mẫu giáo Bé Thơ (điểm lẻ), huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	194/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	3.997	3.997	1.997	

68	Trường tiểu học Bà Tá 1 (phân hiệu 2 tại khu kinh tế), huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	168/QĐ-SKHĐT ngày 17/5/2021	6.001	5.500	3.000	
69	Trường Tiểu học Lạc Tánh 1, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	210/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	8.495	8.000	4.500	
70	Trường Mẫu giáo Bé Thơ (điểm chính), huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	209/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	5.000	4.500	2.500	
71	Trường Mẫu giáo Búp Mãng, xã Gia An (giai đoạn 2), huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	221/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	6.172	6.172	3.672	
72	Trường Tiểu học Gia An 1, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	211/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	9.789	9.789	5.789	
73	Trường Trung học cơ sở Duy Cần, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	192/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	10.999	10.999	4.500	
74	Trường Tiểu học Gia An 3, huyện Tánh Linh	UBND huyện Tánh Linh	206/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	7.191	6.500	3.500	
75	Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	176/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	24.362	22.000	9.000	
76	Trường Mẫu giáo Sao Mai, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	160/QĐ-SKHĐT ngày 12/5/2021	14.620	13.000	5.770	
77	Trường Trung học cơ sở Phan Châu Trinh, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	127/QĐ-SKHĐT ngày 26/4/2021	14.914	14.000	7.000	
78	Trường Mẫu giáo Năng Mai, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	134/QĐ-SKHĐT ngày 29/4/2021	14.835	13.000	5.320	
79	Trường Tiểu học Trần Quý Cáp, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	170/QĐ-SKHĐT ngày 18/5/2021	15.819	14.000	6.410	
80	Trường Trung học cơ sở Long Hải, huyện Phú Quý	UBND huyện Phú Quý	740/QĐ-SKHĐT ngày 25/12/2020	12.050	12.050	6.000	
81	Nhà luyện tập đa năng Trường THPT Ngô Quyền, huyện Phú Quý	UBND huyện Phú Quý	632/QĐ-SKHĐT ngày 16/11/2020	8.263	8.263	3.110	

82	Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu, thành phố Phan Thiết	Sở Giáo dục và Đào tạo	230/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021	11.337	11.337	4.837	
83	Sửa chữa Trường Trung học phổ thông Bắc Bình, huyện Bắc Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	343/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	2.989	2.989	489	
84	Sửa chữa Trường Trung học phổ thông Quang Trung, huyện Đức Linh	Sở Giáo dục và Đào tạo	342/QĐ-SKHĐT ngày 21/7/2021	2.403	2.403	602	
85	Trường Trung học phổ thông Tánh Linh, huyện Tánh Linh	Sở Giáo dục và Đào tạo	344/QĐ-SKHĐT ngày 21/7/2021	8.068	8.068	5.068	
86	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	514/QĐ-SKHĐT ngày 14/9/2021	3.438	3.438	1.938	
87	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ, thị xã La Gi	Sở Giáo dục và Đào tạo	516/QĐ-SKHĐT ngày 14/9/2021	2.497	2.497	1.497	
B	Lĩnh vực đào tạo			212.727	12.727	30.000	
I	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022			212.727	212.727	30.000	
1	Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận	Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận	1208/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	170.859	170.859	20.000	
2	Mở rộng Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận	Trường Cao đẳng Y tế	3236/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	41.868	41.868	10.000	
C	Lĩnh vực y tế			409.598	36.165	94.000	
I	Dự án hoàn thành, thanh toán nợ			8.973	8.852	3.552	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Thuận Hòa	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	93/QĐ-SKHĐT ngày 2/4/2020	3.621	3.500	1.400	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	223/QĐ-SKHĐT ngày 24/5/2021	1.889	1.889	789	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Mương Mán, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	227/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021	1.977	1.977	877	

4	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	202/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	1.486	1.486	486	
II	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022			400.625	227.313	90.448	
1	Trung tâm y tế thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	171/QĐ-SKHĐT ngày 18/5/2021	6.474	6.000	2.180	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế phường Phước Lộc và xã Tân Bình	UBND thị xã La Gi	186/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2021	4.492	4.492	1.977	
3	Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa thị xã La Gi (nay là Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi)	Sở Y tế	2255/QĐ-UBND ngày 03/8/2016; 3117/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	64.949	26.649	10.000	
4	Nâng cấp bệnh viện huyện Tánh Linh (nay là Trung tâm Y tế huyện Tánh Linh), tỉnh Bình Thuận	Sở Y tế	720/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020	39.201	39.201	8.000	
5	Bệnh viện đa khoa thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sở Y tế	240/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	85.027	47.632	8.866	
6	Vốn đối ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	Sở Y tế	6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018; 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019	106.449	9.306	4.500	
7	Cải tạo Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Bình Thuận	Sở Y tế	229/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021	3.565	3.565	1.445	
8	Mở rộng, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Nam	Sở Y tế	258/QĐ-SKHĐT ngày 08/6/2021	8.305	8.305	3.000	
9	Phòng khám đa khoa khu vực Phan Rí Cửa: Sửa chữa, mở rộng và đầu tư trang thiết bị	Sở Y tế	341/QĐ-SKHĐT ngày 21/7/2021	9.913	9.913	5.090	

10	Mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận - giai đoạn 1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1483/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	72.250	72.250	45.390	
D	Lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục thể thao			618.644	613.937	213.000	
I	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022			07.122	602.415	203.011	
1	Nhà thiếu nhi Hàm Thuận Bắc huyện Hàm Thuận Bắc	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	94/QĐ-SKHĐT ngày 02/4/2020	5.383	5.000	2.670	
2	Cải tạo Nhà thi đấu thể dục thể thao huyện Hàm Thuận Nam	UBND huyện Hàm Thuận Nam	283/QĐ-SKHĐT ngày 16/6/2021	4.493	4.300	1.500	
3	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Hàm Tân	UBND huyện Hàm Tân	389/QĐ-SJHĐT ngày 11/10/2019	13.983	13.983	1.000	
4	Thư viện thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	153/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	8.040	8.040	5.300	
5	Nhà văn hóa thị xã giai đoạn 2, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	154/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	13.144	12.000	7.970	
6	Sửa chữa, nâng cấp Công viên Nguyễn Huệ, thị xã La Gi	UBND thị xã La Gi	152/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	17.987	15.000	8.970	
7	Nhà văn hóa - thể thao đa năng huyện Phú Quý	UBND huyện Phú Quý	627/QĐ-SKHĐT ngày 16/11/2020	20.145	20.145	6.000	
8	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích tháp Pô Sah Inur	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3092/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	29.829	29.829	3.733	
9	Nhà hát và triển lãm văn hóa nghệ thuật tỉnh Bình Thuận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2727/QĐ-UBND ngày 4/11/2020	200.012	200.012	51.000	
10	Mở rộng Thư viện tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	443/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019	29.481	29.481	12.281	
11	Khu tập luyện và thi đấu các môn đua thuyền	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	446/QĐ-SKHĐT ngày 11/8/2021	10.241	10.241	6.221	

12	Tòa nhà trung tâm Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	1414/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	71.050	71.050	32.550	
13	Hệ thống trung tâm sản xuất chương trình HDTV của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	1034/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	11.996	11.996	5.959	
14	Camera HDTV tiên kỳ lưu động của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	1035/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	5.975	5.975	3.181	
15	Phim trường đa năng HDTV của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	1036/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	10.981	10.981	5.976	
16	Đầu tư mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Bình Thuận đến cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	797/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	26.800	26.800	18.700	
17	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	1770/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	127.582	127.582	30.000	
II	Dự án khởi công mới năm 2022			11.522	11.522	9.989	
1	Sân nền, vỉa hè xung quanh và hệ thống cây xanh Nhà hát và triển lãm văn hóa nghệ thuật tỉnh Bình Thuận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	589/QĐ-SKHĐT ngày 01/11/2021	11.522	11.522	9.989	
E	Lĩnh vực công trình phúc lợi khác			1.179.066	77.450	281.000	
I	Dự án hoàn thành, thanh toán nợ			231.520	-	300	
1	Khu dân cư phía Nam đường Lê Duẩn (đoạn từ quốc lộ 1 A- đường Võ Văn Tần) (Cũ)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh		231.520		300	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
II	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022			947.546	577.450	280.700	

1	Nghĩa trang phía Bắc huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	147/QĐ-SKHĐT ngày 06/5/2020	12.896	12.896	3.520	
2	Đèn điện chiếu sáng công lộ xã Vĩnh Tân - Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong	UBND huyện Tuy Phong	149/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	15.880	15.880	5.000	
3	Hồ chứa nước Sông Luỹ, tỉnh Bình Thuận	UBND huyện Bắc Bình	5037/QĐ-BNN-XD; 4529/QĐ-BNN-XD ngày 22/11/2021	202.598	202.598	110.000	Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giai đoạn 2
4	Hệ thống thoát nước trong khu dân cư của thôn Tịnh Mỹ, Cảnh Diển, Châu Hanh, Thanh Kiệt, Thanh Bình thuộc xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình	UBND huyện Bắc Bình	294/QĐ-SKHĐT ngày 25/6/2021	14.978	13.000	5.000	
5	Đường Trung tâm Đô thị Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân (Hạng mục đường, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng tuyến đường Bắc - Nam)	UBND huyện Hàm Tân	110/QĐ-SKHĐT ngày 16/4/2021	24.969	14.969	5.000	
6	Điện chiếu sáng thị xã La Gi (giai đoạn 1)	UBND thị xã La Gi	151/QĐ-SKHĐT ngày 10/5/2021	19.335	15.000	8.680	
7	Nghĩa trang liệt sỹ huyện Tánh Linh (giai đoạn 2)	UBND huyện Tánh Linh	163/QĐ-SKHĐT ngày 13/5/2021	8.506	8.506	4.500	
8	Nâng cấp đường Đông Hà - Gia Huynh, huyện Đức Linh	UBND huyện Đức Linh	111/QĐ-SKHĐT ngày 16/4/2021	78.796	51.000	44.000	
9	Khu bảo trợ xã hội Tân Hà thuộc Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	261/QĐ-SKHĐT ngày 09/6/2021	10.991	10.991	7.000	
10	Mở rộng cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	515/QĐ-SKHĐT ngày 14/9/2021	10.873	10.873	8.000	

11	Đường Hàm Kiệm đi Tiên Thành (đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT.719B)	Sở Giao thông vận tải	1069/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	419.987	104.000	40.000	
12	Nhà tang lễ tỉnh Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	41/QĐ-SKHĐT ngày 31/01/2019	44.344	44.344	13.000	
13	Chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Phan Thiết	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	719/QĐ-SKHĐT ngày 23/12/2020	58.432	58.432	20.000	
14	Lát vỉa hè, hệ thống cây xanh, điện chiếu sáng phần còn lại của Khu dân cư khu phố A&E, phường Thanh Hải, thành phố Phan Thiết	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	682/QĐ-SKHĐT ngày 01/12/2020	24.961	14.961	7.000	

BIỂU SỐ 04
DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định Chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Tổng cộng				10.352.748	703.299	
1	Nhà hát và triển lãm văn hóa nghệ thuật tỉnh Bình Thuận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	31/NQ-HĐND ngày 01/10/2020	604/QĐ-UBND ngày 04/3/2016; 2727/QĐ-UBND ngày 04/11/2020	200.012	51.000	Ngân sách tỉnh
2	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	28/NQ-HĐND ngày 01/10/2020	1770/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	127.582	30.000	Ngân sách tỉnh
3	Làm mới đường trục ven biển ĐT.719B đoạn Phan Thiết - Kê Gà	Sở Giao thông vận tải	06/NQ-HĐND ngày 8/5/2020	1401/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	999.431	290.000	Ngân sách tỉnh + Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.719 đoạn Kê Gà - Tân Thiện	Sở Giao thông vận tải	07/NQ-HĐND ngày 8/5/2020	1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	599.641	285.000	Ngân sách tỉnh + Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu
5	Cảng hàng không Phan Thiết	Bộ Quốc phòng + doanh nghiệp			6.694.000		Ngân sách Trung ương (Bộ Quốc phòng) + vốn doanh nghiệp

6	Kè bờ tả sông Cà Ty (đoạn từ cầu Dục Thanh đến đường Ung Văn Khiêm)	UBND thành phố Phan Thiết			471.156		Vốn ngân sách tỉnh; dự kiến bố trí khi hoàn tất thủ tục đầu tư
7	Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	93/2019/QH14 ngày 26/11/2019		585.647	47.299	Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu
8	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Phú Quý (Giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3362/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021		450.000		Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), bố trí vốn sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư
9	Cầu Văn Thánh, thành phố Phan Thiết	Sở Giao thông vận tải	30/NQ-HĐND ngày 11/5/2021		225.279		Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, bố trí vốn sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư